

Bản án số: 88/2026/HN-ST

Ngày: 15-7-2026

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* bà Đặng Thị Ngọc Duyên.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Đỗ Thị Hồng Hạnh

Ông Nguyễn Văn Lem

- *Thư ký phiên tòa:* bà Lê Thị Thu Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa:* bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 15/7/2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 239/2026/TLST - HN ngày 12 tháng 6 năm 2026 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 188/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/6/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: anh Nguyễn Cảnh K, sinh năm 1990; địa chỉ: số 20, Ngõ Gia T, phường Quy N, tỉnh G (vắng có đơn).

Bị đơn: chị Đặng Thị Hoàng Q, sinh năm 1993; địa chỉ: số 259, ấp Kinh N, xã G, tỉnh V (vắng có đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/5/2026 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Nguyễn Cảnh K trình bày:

Anh và chị Đặng Thị Hoàng Q kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 21/9/2016 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh B. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại xã B, huyện G, tỉnh B. Đến khoảng đầu năm 2025, do hai bên gia đình không hòa hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách sinh hoạt nên mối quan hệ vợ chồng dần trở nên căng thẳng, tình cảm phai nhạt và sống ly thân đến nay. Mặc dù đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả, không thể hàn gắn. Hiện cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung

không thể kéo dài nên anh yêu cầu ly hôn với chị Q. Con chung Nguyễn Hoàng Gia B sinh ngày 20/5/2017 hiện sống cùng mẹ. Khi ly hôn, anh đồng ý để chị Q tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn chị Đặng Thị Hoàng Q trình bày:

Thông nhất với trình bày của anh K. Hiện cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị đồng ý ly hôn với anh K. Con chung Nguyễn Hoàng Gia B sinh ngày 20/5/2017 hiện ở với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành. Anh K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

** Tại phiên tòa:*

Anh Nguyễn Cảnh K, chị Đặng Thị Hoàng Q vắng nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Quan điểm của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: sau khi nhận đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ kèm theo và xem xét có đủ điều kiện thụ lý, Tòa án đã tiến hành thủ tục thụ lý vụ án theo đúng quy định so với Bộ Luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Các tài liệu, chứng cứ được thu thập đầy đủ làm cơ sở giải quyết đúng đắn vụ án. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ Luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng, đầy đủ các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử sơ thẩm vụ án, không vi phạm về việc xét xử vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ Luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Bị đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

- Về nội dung: căn cứ quy định tại các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Cảnh K.

+ Về hôn nhân: anh Nguyễn Cảnh K được ly hôn với chị Đặng Thị Hoàng Q.

+ Về con chung: giao Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 20/5/2017 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con 2.000.000 đồng/tháng.

+ Về tài sản chung, nợ chung: anh K và chị Q khai không có nên không xem xét giải quyết.

+ Về án phí hôn nhân và gia đình: anh K phải chịu 300.000 đồng.

+ Về án phí cấp dưỡng: anh phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về thủ tục: anh Nguyễn Cảnh K, chị Đặng Thị Hoàng Q vắng nhưng có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: anh Nguyễn Cảnh K và chị Đặng Thị Hoàng Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh B, nay là Ủy ban nhân dân xã G, tỉnh V vào ngày 21/9/2016 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Quá trình tố tụng, anh K trình bày do bất đồng quan điểm, đời sống vợ chồng không hoà hợp nên anh và chị Q nảy sinh bất hoà, sống ly thân từ năm 2025 đến nay. Hai bên đã không còn tình cảm vợ chồng, không có khả năng hàn gắn nên anh yêu cầu ly hôn, yêu cầu xét xử vắng mặt. Chị Q cũng thống nhất với trình bày của anh K, đồng ý ly hôn và yêu cầu xét xử vắng mặt.

Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “1. *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau;*”.

Xét thấy việc anh K yêu cầu ly hôn, yêu cầu xét xử vắng mặt với việc chị Q cũng đồng ý ly hôn, yêu cầu xét xử vắng mặt thể hiện cả hai đã không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và không còn khả năng hàn gắn. Do đó, xét yêu cầu ly hôn của anh K là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật tại các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Nguyễn Hoàng Gia B sinh ngày 20/5/2017.

Theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”.

Xét thấy, từ khi hai bên sống ly thân con chung do chị Q chăm sóc, nuôi dưỡng, cuộc sống đã ổn định. Tại biên bản lấy ý kiến ngày 17/6/2026, con chung có nguyện vọng ở với mẹ. Quá trình tố tụng, anh K cũng đồng ý, không tranh chấp.

Do đó, xét giao con chung cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con, theo khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Quá trình tố tụng, anh K đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét việc anh K đồng ý cấp dưỡng như trên là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: anh K, chị Q khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét;

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: anh K phải nộp án phí hôn nhân là 300.000 đồng, án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng theo điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Cảnh K được ly hôn với chị Đặng Thị Hoàng Q.

2. Con chung: Nguyễn Hoàng Gia B sinh ngày 20/5/2017.

Giao Nguyễn Hoàng Gia B sinh ngày 20/5/2017 cho chị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Buộc anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng tính từ ngày 15/7/2026.

Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Tài sản chung, nợ chung: anh K, chị Q khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Anh Nguyễn Cảnh K phải nộp án phí hôn nhân là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), án phí cấp dưỡng là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0010926 ngày 04/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Do đó, anh K còn phải nộp thêm số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng)

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 71, 72 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long
- VKSND khu vực 7 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 7 - Vĩnh Long;
- UBND xã Giồng Trôm, tỉnh Vĩnh Long
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên và đóng dấu)

Đặng Thị Ngọc Duyên

